

Nga Sơn, ngày 21 tháng 8 năm 2015

**QUY CHẾ
QUẢN LÝ QUY HOẠCH XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI
CỦA XÃ NGA YÊN, HUYỆN NGA SƠN, TỈNH THANH HÓA**

*(Kèm theo Quyết định số 1005/QĐ – UBND ngày 21 /8/2015
của Chủ tịch UBND huyện Nga Sơn)*

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Đối tượng áp dụng:

1.1. Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân, hộ gia đình, doanh nghiệp có liên quan đến hoạt động xây dựng trên địa bàn xã thực hiện theo đúng Quy chế này.

1.2. Quy chế này hướng dẫn việc quản lý quy hoạch, kiến trúc được lập trên cơ sở quy hoạch xây dựng nông thôn mới của xã đã được UBND huyện Nga Sơn phê duyệt phù hợp với quy chuẩn, tiêu chuẩn, định hướng phát triển chung của khu vực và toàn xã, phù hợp với các quy định khác.

1.3. Nội dung quy chế kế thừa, phù hợp các quy định hiện hành về kiến trúc, cảnh quan, di sản đô thị, về địa hình, khí hậu, tập quán văn hoá, điều kiện kinh tế, xã hội, quy mô, tính chất của vùng nông thôn, nội dung quy chế có thể điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp trên cơ sở các quy định của pháp luật hiện hành.

1.4. Quy chế này làm cơ sở để xem xét cấp phép xây dựng mới, hoặc cải tạo chỉnh trang các công trình kiến trúc, thiết kế cảnh quan, là một căn cứ để xác định việc lập nhiệm vụ quy hoạch, dự án đầu tư xây dựng vào khu vực xã theo đúng quy hoạch và pháp luật hiện hành.

1.5. Việc điều chỉnh, bổ sung hoặc thay đổi quy chế này phải được cấp thẩm quyền phê duyệt xem xét, quyết định.

1.6. Chủ tịch UBND xã và các phòng ban chuyên môn chịu trách nhiệm trước Chủ tịch UBND huyện về việc quản lý xây dựng tại đồ án quy hoạch xây dựng nông thôn mới được duyệt và quy định của pháp luật.

Điều 2: Phạm vi áp dụng:

2.1. Quy mô: Tổng diện tích nghiên cứu quy hoạch trên cơ sở toàn bộ diện tích tự nhiên của toàn xã là: 383,97ha.

- Dân số 4.613 người; 1.192 hộ dân, tập trung ở 3 làng cổ Yên Ninh, Yên Khoái và Yên Lộc và được chia làm 10 xóm.

2.2. Vị trí địa lý :

Xã Nga Yên nằm ở phía Tây Bắc huyện Nga Sơn, có vị trí tiếp giáp như sau:

- Phía đông giáp các xã Nga Thanh và Nga Liên;
- Phía tây giáp xã Nga Trường;
- Phía nam giáp xã Nga Thanh, xã Nga Mỹ và thị trấn Nga Sơn;
- Phía bắc giáp xã Nga Giáp và Nga Hải

Xã Nga Yên có tuyến đường quốc lộ 10 chạy qua địa bàn xã, dài khoảng 2,2km. Tuyến đường nhựa tỉnh lộ 527B từ Bím Sơn đến cống Mộng Giường II xã Nga Tiến dài 1,5 km chạy dọc theo hướng Đông Tây.

2.3. Tính chất :

+ Là khu vực phát triển sản xuất nông nghiệp kết hợp với các ngành nghề sản xuất kinh doanh dịch vụ và tiểu thủ công nghiệp.

+ Loại hình sản xuất chính: Sản xuất nông nghiệp như: Trồng lúa năng suất chất lượng cao, sản xuất rau màu các loại, nuôi trồng thủy sản, phát triển kinh tế trang trại, gia trại; kinh doanh dịch vụ dọc trục quốc lộ 10 và một số vị trí đường tỉnh lộ, đường liên xã; phát triển ngành tiểu thủ công nghiệp như: Thủ công mỹ nghệ, chế biến lâm sản...

Diện tích sử dụng đất toàn xã, gồm :

STT	Chỉ tiêu	Mã	Hiện trạng		Quy hoạch		Tăng giảm
			Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	
	Tổng diện tích tự nhiên		383,97	100,00	383,60	100,00	- 0,37
1	Đất nông nghiệp	NNP	254,34	66,30	172,22	44,89	-82,12
1.1	Đất lúa nước	DLN	196,85	51,32	103,32	26,93	-93,53
1.2	Đất trồng lúa nương	LUN	-	-	-	-	-
1.3	Đất trồng cây hàng năm còn lại	HNK	31,02	8,09	52,99	13,81	21,97
1.4	Đất trồng cây lâu năm	CLN	3,33	0,87	3,65	0,95	0,32
1.5	Đất rừng phòng hộ	RPH	-	-	-	-	-
1.6	Đất rừng đặc dụng	RDD	-	-	-	-	-
1.7	Đất rừng sản xuất	RSX	-	-	-	-	-
1.8	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	23,14	6,03	3,86	1,01	-19,28
1.9	Đất làm muối	LMU	-	-	-	-	-
1.10	Đất nông nghiệp khác	NKH		0,00	8,40	2,19	8,40
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	127,67	33,28	209,75	54,68	82,08
2.1	Đất ở tại nông thôn	ONT	53,03	13,82	87,05	22,69	34,02
2.2	Đất XD trụ sở cơ quan, CTSN	CTS	0,85	0,22	0,96	0,25	0,11
2.3	Đất quốc phòng	CQP	-	-	-	-	-
2.4	Đất an ninh	CQA	-	-	-	-	-
2.5	Đất cụm công nghiệp-TTCN-LN	SKK		0,00	2,65	0,69	2,65
2.6	Đất cơ sở sản xuất kinh doanh	SKC	0,05	0,01	8,79	2,29	8,74
2.7	Đất sản xuất vật liệu xây dựng	SKX	-	-	-	-	-
2.8	Đất cho hoạt động khoáng sản	SKS	-	-	-	-	-

STT	Chỉ tiêu	Mã	Hiện trạng		Quy hoạch		Tăng giảm
			Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	
2.9	Đất di tích danh thắng	DDT		0,00	0,21	0,05	0,21
2.10	Đất xử lý chôn lấp chất thải	DRA		0,00	0,17	0,04	0,17
2.11	Đất tôn giáo tín ngưỡng	TTN	1,18	0,31	-	-	-
2.12	Đất nghĩa trang nghĩa địa	NTD	9,46	2,47	10,28	2,68	0,82
2.13	Đất có mặt nước chuyên dùng	SMN		0,00	2,30	0,60	2,30
2.14	Đất sông, suối	SON		0,00	10,49	2,73	10,49
2.15	Đất phát triển hạ tầng	DHT	63,10	16,45	86,85	22,64	23,75
2.15.1	Đất giao thông	DGT	43,60	11,37	38,57	10,05	-5,03
2.15.2	Đất thủy lợi	DTL	13,88	3,62	37,63	9,81	23,75
2.15.3	Đất năng lượng	DNL	0,01	0,00	0,02	0,01	0,01
2.15.4	Đất công trình BC viễn thông	DBV	0,02	0,01	0,02	0,01	0,00
2.15.5	Đất cơ sở văn hoá	DVH	1,08	0,28	1,39	0,36	0,31
2.15.6	Đất cơ sở y tế	DYT	0,22	0,06	1,73	0,45	1,51
2.15.7	Đất cơ sở giáo dục	DG D	3,89	1,01	3,85	1,00	-0,04
2.15.8	Đất cơ sở thể thao	DTT	0,40	0,10	3,64	0,95	3,24
2.15.9	Đất chợ	DCH	-	-	-	-	-
2.15.10	Đất cơ sở nghiên cứu khoa học	DKH	-	-	-	-	-
2.15.11	Đất cơ sở dịch vụ về xã hội	DXH	-	-	-	-	-
2.16	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	-	-	-	-	-
3	Đất chưa sử dụng	CSD	1,96	0,51	1,63	0,42	-0,33

Ghi chú: Diện tích đất tự nhiên tăng lên là do đo đạc lại bản đồ.

Chương II

QUẢN LÝ QUY HOẠCH NÔNG THÔN MỚI

Điều 3: Công bố quy hoạch nông thôn mới:

3.1. Hội nghị công bố quy hoạch xây dựng có sự tham gia của đại diện các tổ chức, cơ quan có liên quan, Mặt trận Tổ quốc, xóm trưởng, đại diện nhân dân và các cơ quan liên quan.

3.2. Ủy ban nhân dân xã tổ chức công bố quy hoạch xây dựng nông thôn mới đã được phê duyệt;

3.3. Nội dung công bố toàn bộ nội dung hồ sơ bản vẽ đồ án quy hoạch nông thôn mới.

Điều 4: Hình thức công bố, công khai quy hoạch xây dựng:

4.1. Trưng bày công khai bằng bản vẽ trước trụ sở xã và tại nhà văn hóa các xóm và công khai bản vẽ ở một số vị trí khu dân cư đông người qua lại trên địa bàn xã.

4.2. Tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng.

4.3. Hồ sơ bản vẽ quy hoạch xây dựng nông thôn mới được lưu trữ theo quy định tại các cơ quan quản lý và UBND huyện, UBND xã.

Điều 5: Cấm mốc giới xây dựng:

5.1. Phòng Công thương hướng dẫn cho Ủy ban Nhân dân cấp xã tổ chức thực hiện cấm mốc giới xây dựng đối với các dự án đầu tư xây dựng trong phạm vi địa giới xã;

5.2. Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm bảo vệ các mốc giới thực địa.

Điều 6: Cung cấp thông tin quy hoạch xây dựng:

UBND xã có trách nhiệm cung cấp thông tin về quy hoạch xây dựng nông thôn đã được phê duyệt cho các tổ chức, cá nhân có nhu cầu về xây dựng nhà ở riêng lẻ (gồm: chỉ giới xây dựng, chỉ giới đường đỏ, cốt xây dựng trong đồ án quy hoạch được duyệt).

Điều 7 : Quản lý quy hoạch xây dựng:

7.1. Kể từ ngày quy hoạch được công bố, phòng chuyên môn tổ chức quản lý theo dõi thực hiện đúng đồ án quy hoạch đã được phê duyệt và có trách nhiệm quản lý không để xảy ra tình trạng như: Lấn chiếm đất đai, xây dựng trái phép, phát sinh tài sản gắn liền với đất nằm ngoài khu vực được giao đất...

7.2. Các dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, UBND xã phải báo cáo UBND huyện để công bố kế hoạch thực hiện dự án, phương án bồi thường thiệt hại và tái định cư theo quy định.

Chương III

QUẢN LÝ XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI

Điều 8: Cấp giấy phép xây dựng:

8.1. UBND xã cấp giấy phép xây dựng nhà ở riêng lẻ tại khu vực điểm dân cư nông thôn đã có quy hoạch xây dựng được duyệt.

8.2. Hồ sơ xin cấp phép xây dựng nhà ở riêng lẻ và đơn xin cấp phép xây dựng, thời gian cấp giấy phép xây dựng thực hiện theo mẫu và quy định tại Nghị định số 64/2012/NĐ-CP và Thông tư 10/2013/TT-BXD của Bộ Xây dựng.

Điều 9: Đối với các công trình công cộng:

9.1. Cấp xã:

a) Trụ sở UBND xã:

- Địa điểm: Tại xóm 8

- Tổng diện tích: 4.220m²

- Các quy định về xây dựng:

+ Mật độ xây dựng: 35 %;

+ Tầng cao tối đa: 3 tầng.

- Đối với quy hoạch chi tiết cần lưu ý:

+ Hình thức kiến trúc: công trình có mái, hình thức mái bằng hoặc mái dốc;

+ Khoảng lùi công trình: 10 m so với chỉ giới đường đỏ;

+ Màu sắc công trình: phù hợp với cảnh quan xung quanh;

b) Nhà văn hóa xã:

+ Diện tích: 3.280m²

- Các yêu cầu xây dựng:

+ Mật độ xây dựng : 40%

+ Tầng cao tối đa: 2 tầng

- Đối với quy hoạch chi tiết cần lưu ý :

+ Hình thức kiến trúc: công trình có mái (mái dốc)

+ Khoảng lùi công trình: 20m so với chỉ giới đường đỏ

+ Màu sắc công trình: phù hợp với cảnh quan xung quanh

c). Trạm y tế xã

- Địa điểm: Tại xóm 6

- Tổng diện tích: 2.195 m², cải tạo và xây dựng nhà chính, vườn thuốc, sân đường nội bộ.

- Các yêu cầu xây dựng:

+ Mật độ xây dựng: 35%

+ Tầng cao tối đa: 2 tầng

- Đối với quy hoạch chi tiết cần lưu ý thêm:

+ Hình thức kiến trúc: công trình có mái

+ Khoảng lùi công trình : 20m so với chỉ giới đường đỏ

+ Màu sắc công trình: phù hợp với cảnh quan xung quanh.

d). Bưu điện văn hóa

- Địa điểm: Tại xóm 4

- Tổng diện tích: 196 m²

e). Trường Mầm non, trường tiểu học và trường THCS

- Trường mầm non Nga Yên

+ Địa điểm: Tại xóm 6

+ Tổng diện tích: 4.526 m²

- Trường Tiểu học Nga Yên

+ Địa điểm: Tại xóm 6

+ Tổng diện tích: 4.455 m²

- Trường THCS Nga Yên

+ Địa điểm: Tại xóm 4

+ Tổng diện tích: 9.573 m²

g). Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp

- Địa điểm: Tại xóm 6

- Tổng diện tích: 451 m²

h). Khu đài tưởng niệm

- Địa điểm: Tại xóm 6

- Tổng diện tích: 311 m²

9.2. Cấp thôn:

a) Nhà văn hóa xóm xây mới:

- Vị trí: Xây dựng 10 nhà văn hóa thôn trên địa bàn xã, diện tích mỗi khu đất 500 - 1.500m², Xây dựng hội trường đảm bảo 100 chỗ ngồi trở lên, sân thể thao 1000m², có khuôn viên cây xanh. Xây dựng 3 nhà văn hóa làng Yên Ninh, Yên Khoái và Yên Lộc tổng diện tích trên 4.000 m².

- Tổng diện tích trên 15.000 m²

- Các yêu cầu xây dựng đối với các nhà văn hóa xây mới:

+ Mật độ xây dựng: 25%

+ Tầng cao tối đa: 1tầng

b) Các yêu cầu xây dựng đối với các nhà văn hóa cải tạo:

+ Mật độ xây dựng: 25%

+ Tầng cao tối đa: 1tầng

- Đối với quy hoạch chi tiết cần lưu ý thêm:

+ Hình thức kiến trúc: nhà có mái (mái dốc);

+ Khoảng lùi công trình: Đối với nhà văn hóa nằm trên trục đường quốc lộ 20m, tỉnh lộ 15m; đường trục xã 5m; đường trục xóm 3m so với chỉ giới đường đỏ;

+ Màu sắc công trình phù hợp với cảnh quan xung quanh.

Điều 10 : Nhà ở dân cư nông thôn:

*** Các khu dân cư:**

10.1. Khu vực làng xóm cũ cải tạo:

+ Mật độ xây dựng tối đa trong lô đất ở: 25%;

+ Diện tích tối thiểu đối với lô đất xây dựng: 3m²;

+ Tầng cao tối đa: 3 tầng (không kể tầng âm và tầng mái);

+ Hình thức kiến trúc: nhà ở có mái dốc hoặc mái bằng.

10.2. Khu dân cư phát triển mới:

a) Nghiêm cấm việc chia nhỏ khuôn viên đất được cấp để xây dựng.

b) Diện tích đất: Từ 100m² đến 500m²/lô.

c) Số tầng công trình: Không quá 3 tầng (Không kể tầng âm và tầng mái).

d) Cao độ nền: Tuỳ theo địa hình nhưng tối đa cao +0,45m (≤ 0,45 m) so với cốt hệ phố và được quy định cụ thể trong đồ án quy hoạch được duyệt.

e) Chiều cao tầng: Tầng 1 là 3,9m; tầng 2 + tầng 3 là 3,3m - 3,6 m.

f) Chỉ giới xây dựng: Khoảng lùi tính từ chỉ giới đường đỏ.

- Đối với trục đường quốc lộ 20m

- Đối với đường tỉnh lộ 15m;

- Đường trục xã 5m;

- Đường trục xóm 3m.

i) Mái dốc: Khuyến khích lợp mái ngói và sử dụng vật liệu địa phương

k) Những vị trí, khu vực đã được quy hoạch chi tiết thì các chỉ tiêu được quy định cụ thể trong quy hoạch chi tiết được duyệt.

Điều 11 : Khu vực sản xuất nông nghiệp tập trung:

Toàn xã có 3 vùng sản xuất tập trung, bao gồm:

- Vùng 1: Vùng lúa năng suất chất lượng hiệu quả cao 41,05ha;
- Vùng 2: Vùng trồng rau an toàn tập trung 25 ha;
- Vùng 3: Vùng trang trại chăn nuôi tổng hợp 8,5 ha;

Điều 12: Khu vực công trình tôn giáo, tín ngưỡng:

12.1. Đối với công trình tôn giáo, tín ngưỡng: Việc bảo tồn xây mới công trình tôn giáo, tín ngưỡng theo quy định về pháp lệnh tôn giáo tín ngưỡng và quy định tại Thông tư số 10/2013 của BXD.

12.2. Đối với công trình di sản: Thực hiện xin ý kiến và báo cáo cơ quan quản lý về văn hóa và thực hiện theo các quy định của Luật di sản văn hóa và pháp luật liên quan;

12.3. Đối với công trình tượng đài: Việc quản lý theo quy định Bộ Văn hóa Thể thao và du lịch.

Điều 13: Cảnh quan đường làng ngõ xóm:

13.1. Cổng thôn: Các xóm căn cứ tình hình thực tế làm cổng chào các khu dân cư; kết hợp với các khung không chế tải trong theo quy định của BGTVT và SGTVT tỉnh Thanh Hóa.

13.2. Hình thức kiến trúc nhà ở loại nhà vườn, có mái (dốc) lợp ngói;

13.3. Cây xanh: Cây trồng trong khuôn viên nhà ở, cây trồng trên đường làng ngõ xóm: Loại cây phù hợp với điều kiện địa phương, khoảng cách trồng cây là 10m.

Điều 14 : Đối với khu vực dự trữ phát triển:

14.1. Tuân thủ quy hoạch được duyệt (không xây dựng công trình trái với chức năng sử dụng đất trong khu dự trữ phát triển);

14.2. Có kế hoạch và phương án sử dụng đất hiệu quả trong thời gian chưa triển khai xây dựng (kế hoạch sử dụng đất theo các giai đoạn phát triển ngắn hạn, trung hạn và dài hạn).

Chương IV

QUẢN LÝ CÁC CÔNG TRÌNH HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Điều 15: Quy định chung về quản lý hạ tầng kỹ thuật:

15.1. Hạ tầng kỹ thuật bao gồm: Mặt đường, hè phố, biển báo giao thông, biển tên đường phố, hệ thống thoát nước, hệ thống điện chiếu sáng công cộng, hệ thống cấp nước, hệ thống cấp điện, thông tin liên lạc, đường ống, cây xanh.

15.2. Sau khi hoàn thành xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật trên địa bàn xã, chủ đầu tư phải bàn giao hồ sơ hoàn công và hiện trạng công trình UBND huyện, UBND xã, để quản lý theo quy định.

Điều 16 : Quản lý đường giao thông nông thôn:

16.1. Ủy ban nhân dân xã chịu trách nhiệm quản lý, sử dụng đường giao thông trên địa bàn xã.

16.2. Tổ chức kiểm tra, xử lý các vi phạm về quản lý sử dụng đường giao thông trên địa bàn mình quản lý theo phân cấp và theo quy định của pháp luật.

16.3. Đối với các cơ quan, tổ chức và cá nhân, hộ gia đình khi sử dụng hè đường vào mục đích riêng, phải được đồng ý của UBND xã và phải đảm bảo các điều kiện:

- a) Không gây ảnh hưởng tới người đi bộ, tầm nhìn giao thông.
- b) Không làm hư hại đến các công trình hạ tầng kỹ thuật khác.
- c) Vệ sinh môi trường rác thải thường xuyên, không để đất, đá, rác thải xây dựng rơi vãi trên đường phố.
- d) Các trường hợp phải mở lối để chở vật liệu xây dựng công trình, san tạo đào, đắp mặt bằng và chở đất đá đổ đi phải đảm bảo VSMT thường xuyên.

Điều 17: Quản lý cáp điện, chiếu sáng nông thôn:

17.1. Hành lang an toàn lưới điện:

Trên địa bàn xã có 14,33 km đường dây hạ thế, được lấy từ 5 trạm biến áp, hành lang được giới hạn bởi hai mặt thẳng đứng về hai phía của đường dây ở trạng thái tĩnh là 2m.

17.2. Trạm biến áp:

+ Đối với các trạm điện không có tường, rào bao quanh, hành lang bảo vệ trạm điện 2m.

+ Đối với trạm điện có tường hoặc hàng rào cố định bao quanh, chiều rộng hành lang bảo vệ được giới hạn đến mặt ngoài tường hoặc hàng rào; khoảng cách an toàn theo chiều thẳng đứng là 2m.

17.3. Đường dây hạ thế, đường dây chiếu sáng, đường dây thông tin liên lạc: khoảng cách giữa các cột điện trung bình từ 40-50m, khoảng cách từ chân cột đến công trình xây dựng khác là 5m, khoảng cách từ đường dây đến tường nhà của hộ dân là 5m.

Điều 18 : Quản lý cấp thoát nước nông thôn:

18.1. Cấp nước sinh hoạt:

Đảm bảo cung cấp nước đầy đủ và đúng tiêu chuẩn quy định. Khoảng cách ly bảo vệ các công trình trong hệ thống cấp nước, quy định khoảng cách an toàn theo chiều ngang đến các công trình xây dựng khác là 2m, khoảng cách an toàn theo chiều đứng và chiều ngang đến cống thoát nước thải sinh hoạt và đường dây điện hay thông tin liên lạc đặt ngầm là 1m.

18.2. Thoát nước:

Các tuyến thoát nước mưa được xây bằng mương xây đầy nắp đậy, chạy dọc theo các khu vực dân cư, trực đường chính thoát theo hướng dốc tự nhiên.

Điều 19: Quản lý thông tin liên lạc:

19.1. Đảm bảo cung cấp thông tin liên lạc đầy đủ và đúng quy định.

19.2. Khi xây dựng mới hoặc sửa chữa, lắp đặt các công trình thông tin liên lạc trên địa bàn phải đảm bảo an toàn giao thông, mỹ quan, dây cáp treo trên cột bê tông tại các khu vực không đủ điều kiện chôn ngầm, Cabin điện thoại thẻ, tủ kỹ thuật...

Điều 20: Quản lý môi trường:

20.1. Quản lý rác thải:

Rác thải được tập kết vào bì để trước các công hộ gia đình. Hàng tuần đến ngày thứ 3 và thứ 6 nhân viên Công ty VSMT Nga Sơn sẽ đi thu gom. Vận chuyển vào bãi xử lý rác chung của huyện.

20.2. Quản lý nước thải:

+ Nước thải sinh hoạt từ các công trình công cộng: Xử lý bằng bể tự hoại trước khi thải vào hệ thống thoát nước. Chất lượng nước sau khi xử lý phải đạt tiêu chuẩn QCVN.

+ Nước thải và phân gia súc từ các khu chuồng trại chăn nuôi lớn được xử lý bằng bể Bioga.

+ Hệ thống thoát nước thải của cụm tiểu thủ công nghiệp có hệ thống thoát nước riêng và xử lý đạt tiêu chuẩn QCVN.

20.3. Quản lý nghĩa trang:

Thực hiện mai táng và chôn cất, an táng theo vị trí quy định, tại các khu vực nghĩa trang phải bố trí khu vực xử lý rác thải.

Chương V

PHÂN CÔNG TRÁCH NHIỆM

Điều 21: UBND xã:

21.1. Tổ chức cho mọi thành phần trên địa bàn nghiên cứu, học tập bản Quy chế này và triển khai công tác quản lý trên địa bàn.

21.2. Phối hợp chặt chẽ với phòng Công thương, phòng Tài nguyên - Môi trường, phòng Nông nghiệp, quản lý quy hoạch đã công bố, quản lý đất đai trên địa bàn.

21.3. Tổng hợp báo cáo UBND huyện về tình hình thực hiện quy hoạch nông thôn mới theo định kỳ và đột xuất báo cáo.

21.4. Chịu trách nhiệm trước UBND huyện về triển khai và thực hiện quy hoạch nông thôn mới được duyệt.

Điều 22 : Trách nhiệm của các Ông (bà) xóm trưởng:

22.1. Thường xuyên đôn đốc nhắc nhở mọi tổ chức, cá nhân, hộ gia đình trên địa bàn mình quản lý thực hiện đúng Quy chế quản lý về quy hoạch xây dựng, nông thôn mới.

22.2. Kiểm tra phát hiện kịp thời những hành vi, vi phạm về quản lý trật tự xây dựng, những sự cố hư hỏng các công trình kỹ thuật hạ tầng báo về UBND xã, hoặc các cơ quan quản lý để có biện pháp xử lý theo quy định.

Điều 23: Trách nhiệm các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình:

23.1. Các cá nhân, hộ gia đình phát hiện và báo cáo kịp thời đến Tổ trưởng, xóm trưởng hoặc UBND xã về những hành vi, vi phạm các quy định của quy chế này.

23.2. Nghiêm chỉnh thực hiện các quy định sau:

a) Không lấn chiếm hoặc tự ý sử dụng các công trình giao thông như: Mặt đường, lề đường, hệ thống thoát nước và hành lang an toàn cống, biển báo giao thông và các công trình hạ tầng kỹ thuật khác.

c) Không tự ý chặt tĩa, bẻ cây xanh ở những khu vực công cộng.

d) Không đổ rác, đất đá và các chất thải ra mặt đường, lề đường, nơi công cộng và hệ thống thoát nước thải.

Chương VI

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 24: Quy chế này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày kể từ ngày ký.

Điều 25: Mọi vi phạm các điều khoản của quy chế này tùy theo hình thức và mức độ vi phạm sẽ bị xử phạt hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của Pháp luật.

Điều 26: Các cơ quan có trách nhiệm quản lý xây dựng căn cứ đồ án Quy hoạch xây dựng nông thôn mới và quy định cụ thể của quy chế này để hướng dẫn thực hiện xây dựng.

Điều 27: Đồ án quy hoạch nông thôn mới xã Nga Yên và quy chế này được ấn hành và lưu trữ tại các cơ quan sau đây để các tổ chức, cơ quan và nhân dân biết và thực hiện.

- Sở Xây dựng Thanh hóa
- Sở Tài Nguyên và môi trường
- Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn
- UBND huyện Nga Sơn
- UBND xã Nga Yên

Quy chế này làm cơ sở để xem xét cấp phép xây dựng mới, hoặc cải tạo chỉnh trang các công trình kiến trúc, thiết kế cảnh quan; là một căn cứ để xác định việc lập nhiệm vụ quy hoạch, dự án đầu tư xây dựng./.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Phùng